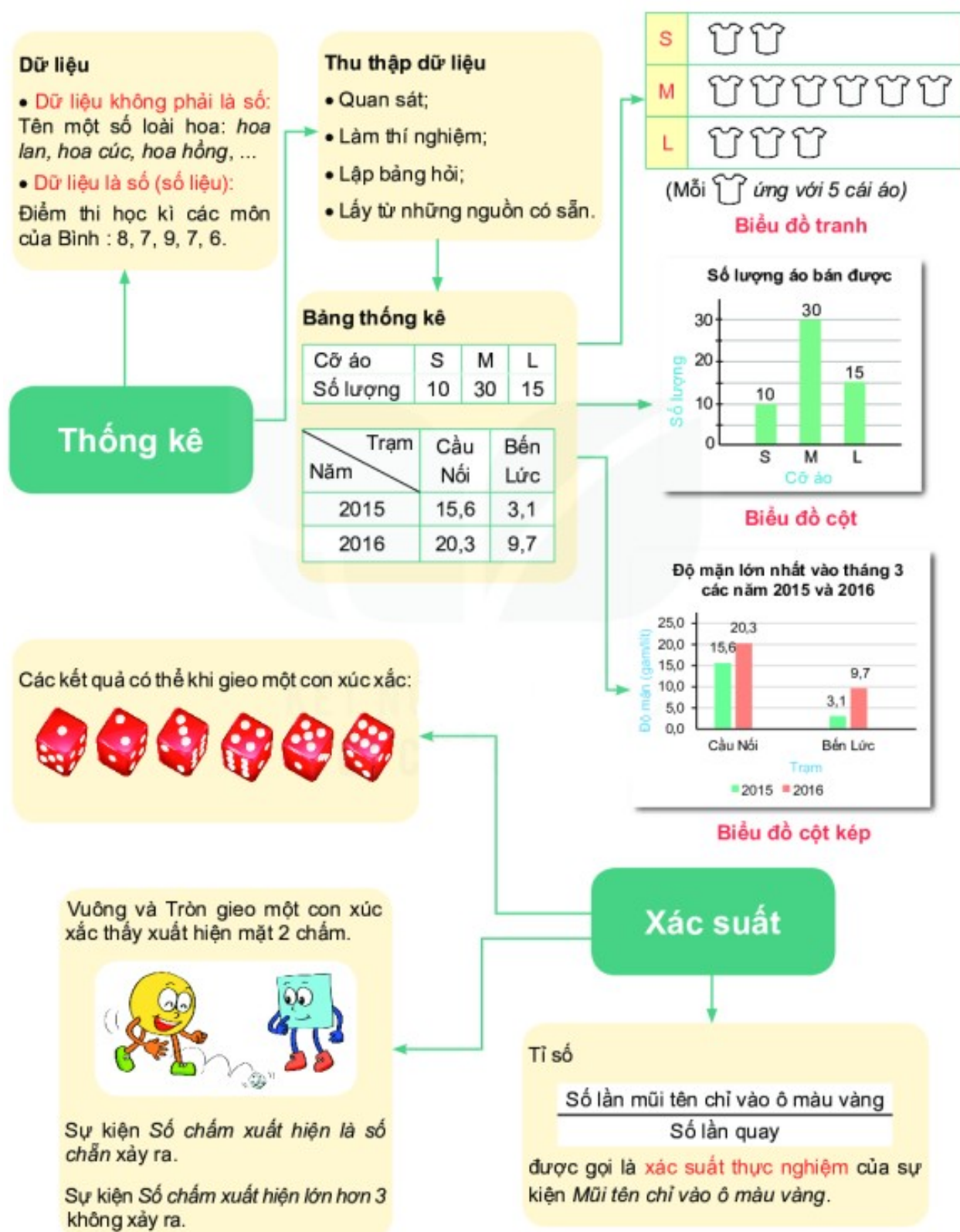


BÀI: ÔN TẬP CUỐI CHƯƠNG IV

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT



(có thể tóm tắt lí thuyết dưới dạng sơ đồ tư duy)

B. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

I – MỨC ĐỘ NHẬN BIẾT

Câu 1. Dữ liệu là số được gọi số liệu . Theo em khẳng định trên là đúng hay sai ?

A. Đúng

B. Sai

Câu 2. Bảo Anh đo nhiệt độ cơ thể (đơn vị là $^{\circ}\text{C}$) của 5 bạn trong lớp thu được dãy số liệu sau :

37 ; 36,8 ; 37,1 ; 36,9 ; 37.

Bảo Anh đã dùng phương pháp nào để thu thập số liệu trên ?

A. Quan sát

B. Phỏng vấn

C. Làm thí nghiệm

D. Lập bảng hỏi

Câu 3. Trong biểu đồ tranh cần chỉ rõ mỗi biểu tượng biểu diễn bao nhiêu đối tượng. Khẳng định trên đúng hay sai ?

A. Sai

B. Đúng

Câu 4. Trong biểu đồ cột kép khẳng định nào sau đây không đúng ?

A. Cột nào cao hơn biểu diễn số liệu lớn hơn

B. Cột cao như nhau biểu diễn số liệu bằng nhau

C. Cột nào thấp hơn thì biểu diễn số liệu nhỏ hơn

D. Độ rộng các cột không như nhau

Câu 5. Xác suất thực nghiệm trong trò chơi tung đồng xu

A. Phụ thuộc vào tổng số lần tung đồng xu

B. Không phụ thuộc vào tổng số lần tung đồng xu

II – MỨC ĐỘ THÔNG HIỂU

Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số quyển vở của cửa hàng sách – thiết bị trong tuần (cửa hàng nghỉ bán thứ bảy và chủ nhật).

Thứ	Số vở
Hai	□□□□□□□□
Ba	□□□□□□□
Tư	□□□□□□□□
Năm	□□□□□□□
Sáu	□□□□□□□□
□ = 10 cuốn vở; □ = 5 cuốn vở	

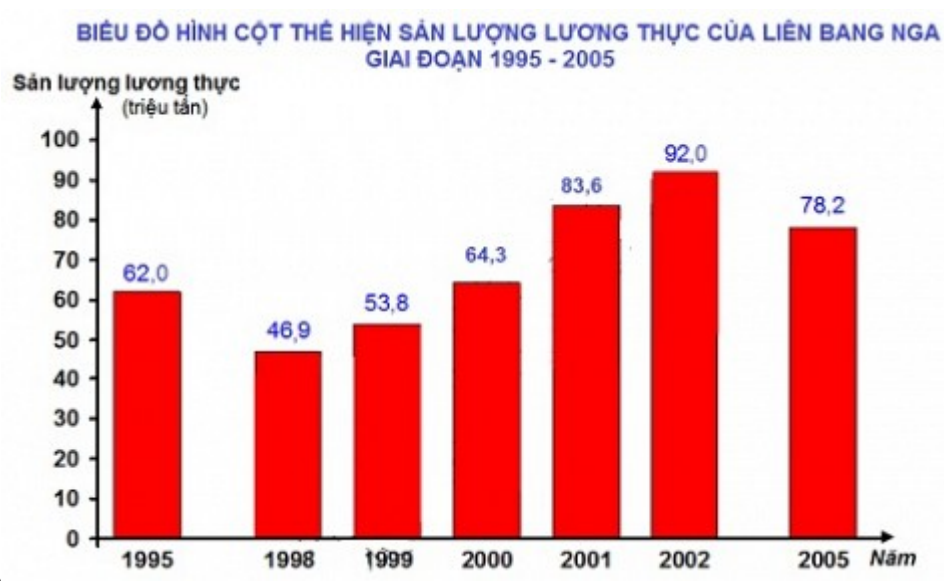
Câu 6. Ngày bán được nhiều cuốn vở nhất là

- A. Thứ năm
- B. Thứ sáu
- C. Thứ hai
- D. Thứ tư

Câu 7. Số vở bán được trong tuần là

- A. 425
- B. 44
- C. 413
- D. 415

Câu 8. Dựa vào biểu đồ dưới đây hãy cho biết sản lượng tiêu thụ lương thực (triệu tấn) của nước Nga năm 2002 là :



- A. 83,6
- B. 78,2
- C. 92
- D. 64,3

Danh sách 5 đội nhì các bảng giành vé vào vòng loại thứ 3 [World Cup 2022](#) khu vực châu Á và 3 đội bị loại.

TT	Bảng	Đội bóng	Trận	Thắng	Hòa	Bại	Bàn thắng	Bàn bại	Hệ số	Điểm
1	A	Trung Quốc	6	4	1	1	16	3	+13	13
2	E	Oman	6	4	0	2	9	5	+4	12
3	C	Iraq	6	3	2	1	6	3	+3	11
4	G	Việt Nam	6	3	2	1	6	4	+2	11
5	H	Lebanon	6	3	1	2	11	8	+3	10
6	F	Tajikistan	6	3	1	2	7	8	-1	10
7	D	Uzbekistan	6	3	0	3	12	9	+3	9
8	B	Kuwait	6	2	2	2	8	6	+2	8

Câu 9. Nhìn vào bảng thống kê hãy cho biết tại vòng loại *World Cup 2022* đội tuyển Việt Nam nằm ở bảng nào?

- A. A
- B. G
- C. H
- D. B

Câu 10. Ở vòng loại đội tuyển Việt Nam được bao nhiêu điểm ?

- A. 11
- B. 2
- C. 4
- D. 6

III – MỨC ĐỘ VẬN DỤNG

Câu 11. Khi tung đồng xu 30 lần liên tiếp ,có 18 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S là

- A. $\frac{18}{30}$
- B. $\frac{30}{18}$
- C. $\frac{30}{12}$

D. $\frac{12}{30}$

Câu 12. Một hộp có 4 thẻ bài kích thước như nhau có in chữ , lần lượt là : X, V, T, N. Lấy ngẫu nhiên một thẻ trong hộp , tập hợp các kết quả có thể xảy ra khi lấy ngẫu nhiên một thẻ bài trong hộp là :

A. $(X;V;T;N)$

B. $\{ X;V;T;N\}$

C. $\{ T;N;T;V\}$

D. $\{ X;V;T;T\}$

Câu 13. Cho một túi kín có chứa một số viên bi màu xanh và đen, có cùng kích thước. Mai, Thuý, Khang, Tùng chơi một trò chơi với luật chơi như sau :

Mỗi người lấy ngẫu nhiên một viên bi từ túi , ghi màu viên bi lấy ra rồi trả lại viên bi vào túi. Mỗi người chơi 10 lần rồi tính số chênh lệch từ bi xanh và bi đen lấy được (số lớn trừ số bé). Người nào có số bi chênh lệch lớn hơn sẽ là người thắng.

Kết quả của Mai và Thuý sau khi lấy 10 lần là :

Mai lấy được 3 bi đen và 7 bi xanh ; Tùng lấy được 4 bi đen và 6 bi xanh ;

Thuý lấy được 6 bi đen và 4 bi xanh ; Khang lấy được 5 bi đen và 5 bi xanh.

Hỏi ai là người thắng?

A. Mai

B. Thuý

C. Tùng

D. Khang

Câu 14. Kết thúc năm học 2020-2021 học lực của các bạn lớp 6A gồm có loại được thống kê ở bảng sau :

Xếp loại học lực	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
Số lượng(học sinh)	18	15	7	0

Những học sinh đạt học lực khá và giỏi sẽ được thưởng. Vậy lớp 6 A sẽ có bao nhiêu học sinh được thưởng?

A. 18

B. 23

C. 33

D. 43

Câu 15. Trường khảo sát môn thể thao yêu thích của các bạn ở trong lớp, thu được kết quả như sau

	Nữ	Nam
Bóng đá	9	36
Cầu lông	25	24
Bơi lội	18	21
Bóng rổ	11	20
Khác	5	7

Môn thể thao được các bạn nam yêu thích nhất là

- A. Cầu lông
- B. Bơi lội
- C. Bóng rổ
- D. Bóng đá

IV. MỨC ĐỘ VẬN DỤNG CAO

Câu 16. Trong hộp có 4 thẻ được đánh số 1, 2, 3, 4. Thảo lấy ngẫu nhiên 1 thẻ từ hộp, ghi số lại rồi trả lại hộp. Lặp lại hoạt động trên 20 lần, thảo được kết quả như sau :

2	3	2	1	4	4	3	1	3	2
4	1	1	3	2	4	3	2	1	4

Xác suất thực nghiệm của sự kiện Thảo lấy được thẻ ghi số nguyên tố là

- A. $\frac{10}{20}$
- B. $\frac{15}{20}$
- C. $\frac{11}{20}$
- D. $\frac{9}{20}$

Câu 17 Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối sự kiện nào sau đây chắc chắn không thể xảy ra

- A. Mặt xuất hiện số chấm là số nguyên tố
- B. Mặt xuất hiện số chấm chia hết cho 9
- C. Mặt xuất hiện số chấm là số chính phương
- D. Mặt xuất hiện số chấm là số chia hết cho 5

Câu 18. Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối 3 lần liên tiếp. Số chấm xuất hiện trên mặt ở 3 lần đó là 3 số nguyên tố liên tiếp theo thứ tự từ bé đến lớn. Vậy 3 số đó là :

- A. 1; 2; 3.
- B. 2; 3; 4.
- C. 2; 3; 5.
- D. 1; 3; 5.

Câu 19. Bạn Phương Thảo gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối 3 lần liên tiếp và ghi lại số chấm xuất hiện sau mỗi lần gieo thì được một số có 3 chữ số. Số này chia hết cho 5, có tổng các chữ số là 10 và chữ số hàng chục nhỏ hơn chữ số hàng trăm là 3 đơn vị . Tìm số đó ?

- A. 145
- B. 235
- C. 325
- D. 415

Câu 20. Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối thì số chấm xuất hiện là 1 số. Số đó là số chính phương lớn hơn 1. Vậy số chấm xuất hiện là

- A. 4
- B. 1
- C. 2
- D. 6

C. CÁC DẠNG TỰ LUẬN

Dạng 1. Thu thập, tổ chức, phân tích và xử lý dữ liệu.

Phương pháp giải

Học sinh vận dụng các kiến thức về thu thập, tổ chức, phân tích và xử lý dữ liệu để giải toán.

Bài 1. Để chuẩn bị cho đợt tham quan sắp tới của lớp, Tùng đã tìm kiếm một số địa điểm du lịch ở Hà Nội để các bạn lựa chọn và đưa ra danh Sách như sau:

- 1) Lăng Bác Hồ
- 2) Công Viên Thủ Lệ
- 3) Vườn quốc gia Cúc Phương
- 4) Công Viên Bách Thảo
- 5) Văn Miếu Quốc Tử Giám
- 6) Đảo Tuần Châu

- a) Dãy dữ liệu mà Tùng thu thập được có phải là dãy số liệu không?
- b) Bạn Tùng cần thu thập dữ liệu nào?
- c) Dãy Dữ liệu của bạn Tùng đưa ra có hợp lý không?

Bài 2. Kết quả kiểm tra học kì I môn Toán của lớp 6A được liệt kê như sau :

9, 8, 7, 8, 10, 7, 6, 5, 8, 7, 5, 4, 3, 7, 9, 8, 9, 10, 8, 8, 10, 8, 7, 6, 5, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 9, 8, 7, 8, 9, 7, 5, 7, 8.

- a) Xác định đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê?

- b) Lập bảng số liệu thống kê
- c) Tính tổng số học sinh của lớp 6A? (biết rằng tất cả học sinh đều có bài kiểm tra).
- d) Điểm số nào có số lượng nhiều nhất?
- e) Có bao nhiêu học sinh có điểm dưới trung bình? (Điểm dưới trung bình là điểm nhỏ hơn 5).

Bài 3. Bảng dưới đây cho biết chiều cao và cân nặng chuẩn của học sinh Việt Nam từ 10 tuổi đến 18 tuổi.

TRẺ NAM		TUỔI	TRẺ NỮ	
Chiều Cao (cm)	Cân Nặng (kg)		Chiều Cao (cm)	Cân Nặng (kg)
138.4	32	10	138.4	31.9
143.5	35.6	11	144	36.9
149.1	39.9	12	149.8	41.5
156.2	45.3	13	156.7	45.8
163.5	50.8	14	158.7	47.6
170.1	56.0	15	159.7	52.1
173.4	60.8	16	162.5	53.5
175.2	64.4	17	162.5	54.4
175.7	66.9	18	167	56.7

Shunuu.blog

- a) Đơn vị đo chiều cao, cân nặng được sử dụng trong bảng trên là gì?
- b) Chiều cao cân nặng chuẩn cho học sinh Nam và học sinh nữ lớp 6 là bao nhiêu? Em có đạt được các mức chuẩn không?

Bài 4.

Cập nhật mới nhất tình hình dịch bệnh COVID-19 tại Đồng Nai

Cập nhật đến 18h ngày 15/7/2021:

Tổng số ca bình phục/nhiễm: 32/779

Tổng số ca nhiễm	779
Khỏi bệnh hoàn toàn	32
Đang điều trị	746

	(1 ca ở TPHCM)
Số ca nhiễm mới	172
Số ca nghi nhiễm	0
Tử vong	2
Tổng số người cách ly tập trung	11.360
Đang cách ly	2.800
Tổng số người cách ly tại nhà và nơi cư trú	31.718
Đang cách ly	8.429
Trường hợp F1 đang cách ly	2.571
Trường hợp F2 đang cách ly	4.456
Tổng số mẫu xét nghiệm	172.391
Tổng số người được tiêm vắc xin	54.402

- Nhìn vào bảng thống kê trên em hãy cho biết tại thời điểm thống kê tỉnh Đồng Nai có bao nhiêu ca mắc Covid? có bao nhiêu người đi cách ly tập chung? Đã xét nghiệm được bao nhiêu mẫu?
- Tính đến 18 h ngày 15/7/2021 thì tỉnh Đồng Nai đã có bao nhiêu người được tiêm vắc xin?
- Hãy cho biết số ca mắc mới trong ngày 15/7/2021(Tính đến thời điểm thống kê) của tỉnh Đồng Nai?

d) Bản thân em phải làm gì để phòng chống dịch Covid?

Bài 5. Bạn Trường liệt kê cân nặng của các bạn trong tổ (theo đơn vị kg) được kết quả như sau:

35; 36; 40; 36,5; 39; 38; 45; 41,5; 38; 40; 38; 34; 34

a) Hãy nêu đối tượng thống kê? Tiêu chí thống kê?

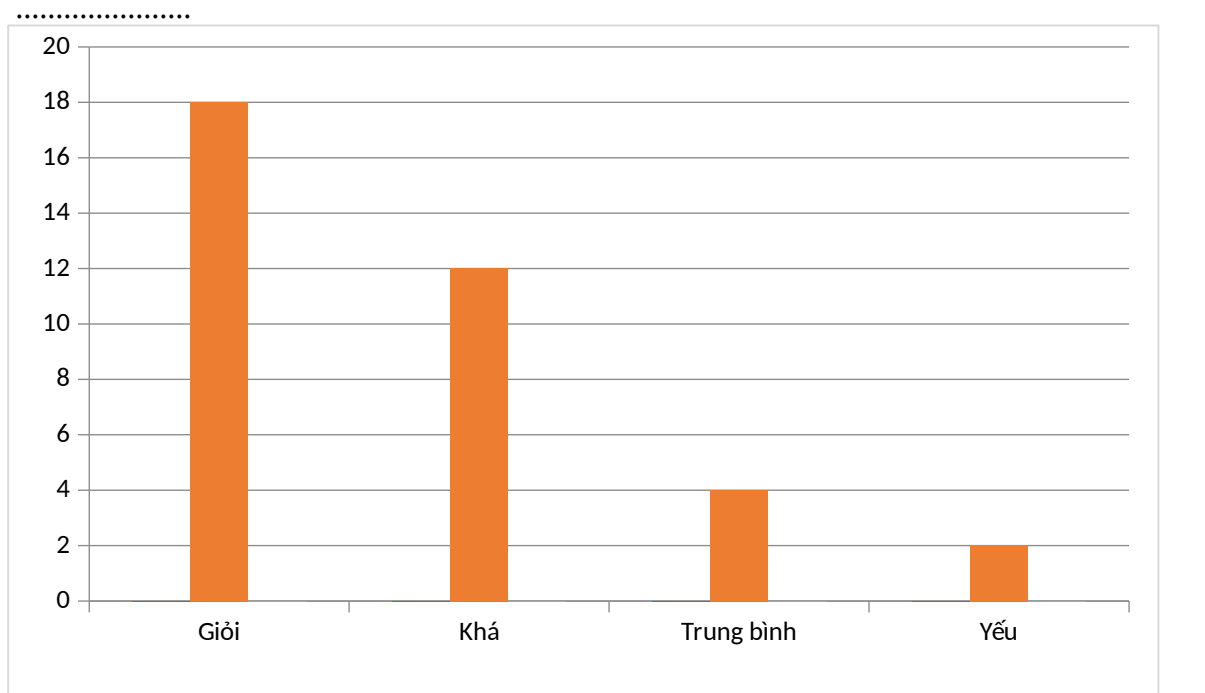
b) Dãy số liệu bạn Trường liệt kê có hợp lý không? Vì sao?

c) Căn cứ vào dãy số liệu trên, cho biết số cân trung bình của 5 bạn có cân nặng thấp nhất tổ?

Dạng 2. BIỂU ĐỒ

Phương pháp giải: Học sinh áp dụng kiến thức về cách biểu diễn dữ liệu bằng biểu đồ để đọc và phân tích các dữ liệu của biểu đồ.

Bài 1. Biểu đồ sau cho biết số lượng học sinh từng loại học lực khi tổng kết năm học 2020-2021 của lớp 6A



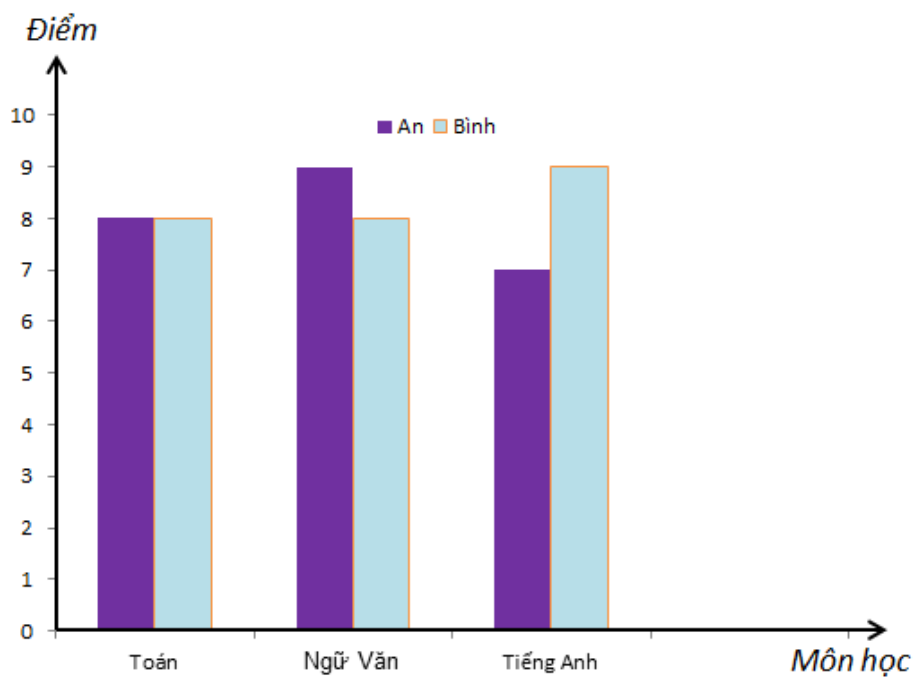
a) Xác định đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê?

b) Lập bảng số liệu từ biểu đồ trên?

c) Tính tổng số học sinh khá và giỏi?

d) Lớp 6 A có tất cả bao nhiêu học sinh?

Bài 2. Kết quả thi một số môn học của An và Bình được biểu diễn trong biểu đồ cột kép như hình dưới:



a) Hoàn thành số liệu trong bảng sau:

Tên học sinh	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh
An			
Bình			

b) Bạn có điểm Tiếng Anh cao hơn là bạn .

c) Hai bạn có số điểm bằng nhau ở môn .

Bài 3. Nhìn biểu đồ dưới đây và trả lời câu hỏi :

SỐ THỐC THU HOẠCH TRONG 3 NĂM CỦA NHÀ BÁC HOÀNG

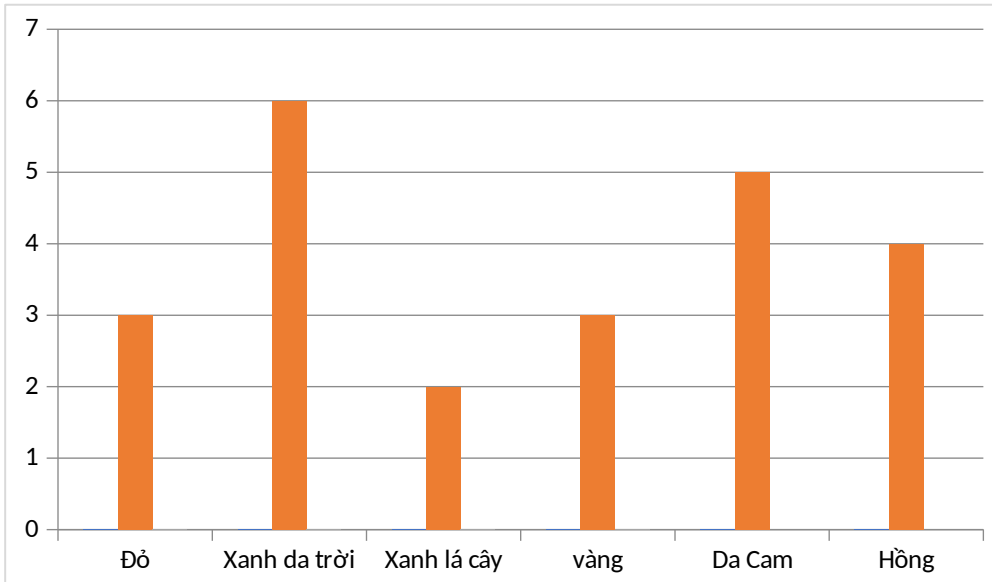
Năm 2011	
Năm 2012	
Năm 2013	



Mỗi = 10 tạ thóc.

- Lập bảng số liệu từ biểu đồ trên?
- Năm nào nhà bác Hoàng thu hoạch được nhiều thóc nhất ?
- Tính số thóc thu hoạch trong cả ba năm của nhà bác Hoàng.

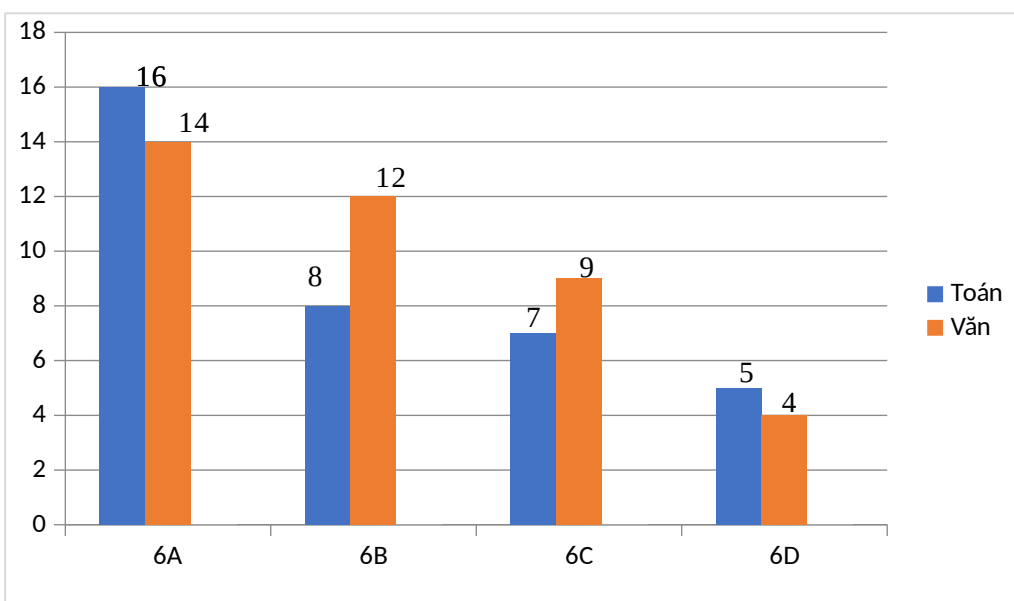
Bài 4.



Biểu đồ trên cho biết màu sắc yêu thích nhất của 23 học sinh.

- Những màu nào được yêu thích nhiều hơn màu đỏ?
- Màu nào được nhiều bạn yêu thích nhất?
- Lập bảng thống kê số lượng học sinh yêu thích của mỗi màu?

Bài 5. Biểu đồ dưới đây biểu diễn số học sinh giỏi hai môn Toán và Văn của các lớp: 6A, 6B, 6C, 6D.



- Tính tổng số học sinh giỏi môn Toán của cả 4 lớp?

- b) Số học sinh giỏi môn Văn của lớp 6A là bao nhiêu học sinh?
c) Tính tổng số học sinh giỏi môn Văn của cả 4 lớp?

Dạng 3. MÔ HÌNH XÁC XUẤT TRONG MỘT SỐ TRÒ CHƠI VÀ THÍ NGHIỆM ĐƠN GIẢN

Phương pháp giải: Liệt kê các kết quả có thể xảy ra trong các trò chơi, thí nghiệm đơn giản. Dựa vào trải nghiệm thực hành để đưa ra các dự đoán về các khả năng có thể xảy ra hay không xảy ra của một kết quả trong trò chơi hay thí nghiệm.

Bài 1. Hai bạn Thái và An mỗi người tung một đồng xu. Hãy liệt kê tất cả các kết quả có thể xảy ra?

Bài 2. Hộp bút của Thảo có ba đồ dùng học tập gồm 1 bút máy, 1 bút chì, 1 bút bi, Thảo lấy ra một dụng cụ học tập từ hộp bút (lấy ngẫu nhiên). Hãy đánh giá xem các sự kiện sau là chắc chắn, không thể hay có thể xảy ra.

- a) Thảo lấy được một cái bút
- b) Thảo lấy ra được một cái thước kẻ
- c) Thảo lấy ra được một cái bút bi

Bài 3. Một hộp bi có 2 viên bi vàng, 3 viên bi xanh và 1 viên bi đỏ (có cùng kích thước).

Không nhìn vào hộp, An lấy một viên bi từ hộp.

- a) Liệu an có chắc chắn viên bi lấy ra có màu gì không?
- b) Hãy đưa ra những kết quả có thể xảy ra đối với màu của viên bi được lấy ra?
- c) Hãy đưa ra hai sự kiện liên quan đến viên bi mà An vừa lấy ra.

Bài 4. Gieo một con xúc xắc. Số chấm xuất hiện trên con xúc xắc là bao nhiêu để mỗi sự kiện sau xảy ra:

- a) Số chấm xuất hiện là một số nguyên tố.
- b) Số chấm xuất hiện không phải 3 cũng không phải 5.

Bài 5. Cho 4 điểm A, B, C, D, trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng, lấy 2 điểm từ 4 điểm đã cho để vẽ một đoạn thẳng. Hãy liệt kê tất cả các đoạn thẳng có thể vẽ được. Có tất cả bao nhiêu đoạn thẳng?

Dạng 4. XÁC XUẤT THỰC NGHIỆM

Phương pháp giải: Áp dụng công thức tính xác suất thực nghiệm để tính xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản.

Bài 1. Một xạ thủ bắn 200 viên đạn vào một mục tiêu và thấy có 150 viên trúng mục tiêu. Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “Xạ thủ bắn trúng mục tiêu”.

Bài 2. Bình chơi Sudoku 50 lần thì có 35 lần thắng cuộc. Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “Bình thắng khi chơi Sudoku”?

Bài 3. Trong ngày lễ hội tại địa phương, Thảo có chơi trò chơi ném phi tiêu vào một tấm bia có ghi các số 2; 3; 4. Linh ném 20 lần và có ghi lại kết quả như sau :

2; 4 ;4; 4; 3; 2; 2; 2; 4; 3; 2; 2; 4; 2; 3; 2; 2; 2; 3; 3.

Tính xác suất thực nghiệm của kết quả phi tiêu trúng số 3?

Bài 4. Linh tung đồng xu 15 lần liên tiếp được kết quả ghi lại như sau : S; N; N; S;N;S;S;N;S;N;N;N;S;S;N

- Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S?
- Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N?

Bài 5. Nếu gieo một con xúc xắc 11 lần liên tiếp thì, có 7 lần xuất hiện mặt 1 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt một chấm là bao nhiêu?

D. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:

BẢNG ĐÁP ÁN BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	C	B	D	A	C	A	C	B	A
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
D	B	A	C	D	A	B	C	D	A

HƯỚNG DẪN

(lưu ý chọn đáp án nào phải bôi vàng đáp án đó và chỉ giải thích vì sao chọn đáp án với các câu ở phần Vận dụng cao)

I – MỨC ĐỘ NHẬN BIẾT

Câu 1. Dữ liệu là số được gọi số liệu . Theo em khẳng định trên là đúng hay sai ?

- Đúng
- Sai

Câu 2. Bảo Anh đo nhiệt độ cơ thể (đơn vị là $^{\circ}\text{C}$) của 5 bạn trong lớp thu được dãy số liệu sau :
37 ; 36,8 ; 37,1 ; 36,9 ; 37.

Bảo Anh đã dùng phương pháp nào để thu thập số liệu trên ?

- Quan sát
- Phỏng vấn
- Làm thí nghiệm
- Lập bảng hỏi

Câu 3. Trong biểu đồ tranh cần chỉ rõ mỗi biểu tượng biểu diễn bao nhiêu đối tượng. Khẳng định trên đúng hay sai ?

- Sai
- Đúng

Câu 4. Trong biểu đồ cột kép khẳng định nào sau đây không đúng ?

- A. Cột nào cao hơn biểu diễn số liệu lớn hơn
- B. Cột cao như nhau biểu diễn số liệu bằng nhau
- C. Cột nào thấp hơn thì biểu diễn số liệu nhỏ hơn
- D. Độ rộng các cột không như nhau

Câu 5. Xác suất thực nghiệm trong trò chơi tung đồng xu

- A. Phụ thuộc vào tổng số lần tung đồng xu
- B. Không phụ thuộc vào tổng số lần tung đồng xu

II – MỨC ĐỘ THÔNG HIỂU

Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số quyển vở của cửa hàng sách – thiết bị trong tuần (cửa hàng nghỉ bán thứ bảy và chủ nhật).

Thứ	Số vở
Hai	□□□□□□□□□□
Ba	□□□□□□□□
Tư	□□□□□□□□
Năm	□□□□□□□□
Sáu	□□□□□□□□
□ = 10 cuốn vở; □ = 5 cuốn vở	

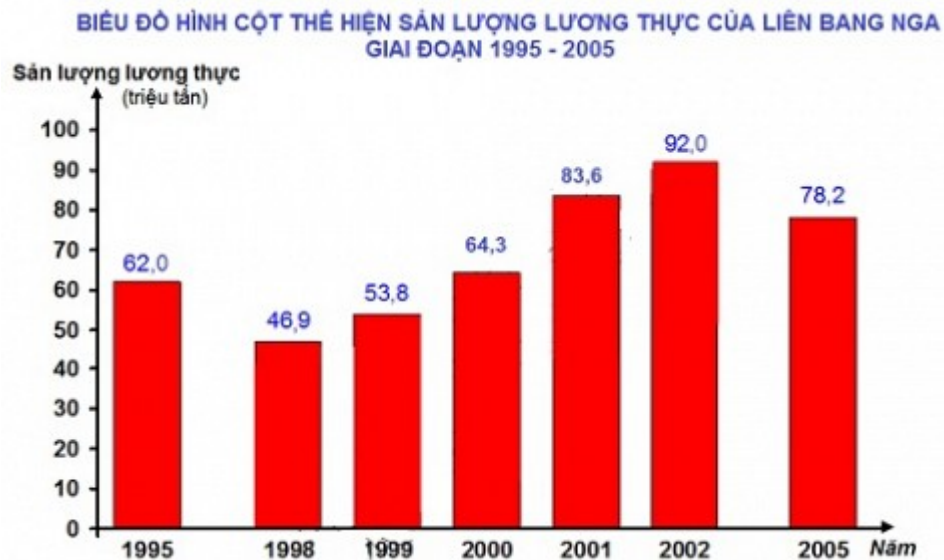
Câu 6. Ngày bán được nhiều cuốn vở nhất là

- A. Thứ năm
- B. Thứ sáu
- C. Thứ hai
- D. Thứ tư

Câu 7. Số vở bán được trong tuần là

- A. 425
- B. 44
- C. 413
- D. 415

Câu 8. Dựa vào biểu đồ dưới đây hãy cho biết sản lượng tiêu thụ lương thực(triệu tấn) của nước Nga năm 2002 là :



- A. 83,6
- B. 78,2
- C. 92**
- D. 64,3

Danh sách 5 đội nhì các bảng giành vé vào vòng loại thứ 3 [World Cup 2022](#) khu vực châu Á và 3 đội bị loại.

TT	Bảng	Đội bóng	Trận	Thắng	Hòa	Bại	Bàn thắng	Bàn bại	Hệ số	Điểm
1	A	Trung Quốc	6	4	1	1	16	3	+13	13
2	E	Oman	6	4	0	2	9	5	+4	12
3	C	Iraq	6	3	2	1	6	3	+3	11
4	G	Việt Nam	6	3	2	1	6	4	+2	11
5	H	Lebanon	6	3	1	2	11	8	+3	10
6	F	Tajikistan	6	3	1	2	7	8	-1	10
7	D	Uzbekistan	6	3	0	3	12	9	+3	9
8	B	Kuwait	6	2	2	2	8	6	+2	8

Câu 9. Nhìn vào bảng thống kê hãy cho biết tại vòng loại *World Cup 2022* đội tuyển Việt Nam nằm ở bảng nào?

A. A

B. G

C. H

D. B

Câu 10. Ở vòng loại đội tuyển Việt Nam được bao nhiêu điểm ?

A. 11

B. 2

C. 4

D. 6

III – MỨC ĐỘ VẬN DỤNG

Câu 11. Khi tung đồng xu 30 lần liên tiếp ,có 18 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S là

A. $\frac{18}{30}$

B. $\frac{30}{18}$

C. $\frac{30}{12}$

D. $\frac{12}{30}$

Câu 12. Một hộp có 4 thẻ bài kích thước như nhau có in chữ , lần lượt là : X, V, T, N. Lấy ngẫu nhiên một thẻ trong hộp , tập hợp các kết quả có thể xảy ra khi lấy ngẫu nhiên một thẻ bài trong hộp là :

A. $(X;V;T;N)$

B. $\{X;V;T;N\}$

C. $\{T;N;T;V\}$

D. $\{X;V;T;T\}$

Câu 13. Cho một túi kín có chứa một số viên bi màu xanh và đen, có cùng kích thước. Mai, Thuý, Khang, Tùng chơi một trò chơi với luật chơi như sau :

Mỗi người lấy ngẫu nhiên một viên bi từ túi , ghi màu viên bi lấy ra rồi trả lại viên bi vào túi. Mỗi người chơi 10 lần rồi tính số chênh lệch từ bi xanh và bi đen lấy được (số lớn trừ số bé). Người nào có số bi chênh lệch lớn hơn sẽ là người thắng.

Kết quả của Mai và Thuý sau khi lấy 10 lần là :

Mai lấy được 3 bi đen và 7 bi xanh ; Tùng lấy được 4 bi đen và 6 bi xanh ;

Thuý lấy được 6 bi đen và 4 bi xanh ; Khang lấy được 5 bi đen và 5 bi xanh.

Hỏi ai là người thắng?

- A.** Mai
- B.** Thuý
- C.** Tùng
- D.** Khang

Câu 14. Kết thúc năm học 2020-2021 học lực của các bạn lớp 6A gồm có loại được thống kê ở bảng sau :

Xếp loại học lực	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
Số lượng(học sinh)	18	15	7	0

Những học sinh đạt học lực khá và giỏi sẽ được thưởng. Vậy lớp 6 A sẽ có bao nhiêu học sinh được thưởng?

- A.** 18
- B.** 23
- C.** 33
- D.** 43

Câu 15. Trường khảo sát môn thể thao yêu thích của các bạn ở trong lớp, thu được kết quả như sau

	Nữ	Nam
Bóng đá	9	36
Cầu lông	25	24
Bơi lội	18	21
Bóng rổ	11	20
Khác	5	7

Môn thể thao được các bạn nam yêu thích nhất là

- A.** Cầu lông
- B.** Bơi lội

C. Bóng rổ

D. Bóng đá

IV. MỨC ĐỘ VẬN DỤNG CAO

Câu 16. Trong hộp có 4 thẻ được đánh số 1, 2, 3, 4. Thảo lấy ngẫu nhiên 1 thẻ từ hộp, ghi số lại rồi trả lại hộp. Lặp lại hoạt động trên 20 lần, thảo được kết quả như sau :

2	3	2	1	4	4	3	1	3	2
4	1	1	3	2	4	3	2	1	4

Xác suất thực nghiệm của sự kiện Thảo lấy được thẻ ghi số nguyên tố là

A. $\frac{10}{20}$

B. $\frac{15}{20}$

C. $\frac{11}{20}$

D. $\frac{9}{20}$

Lời giải

Các thẻ có ghi số nguyên tố là các thẻ ghi số 2 và số 3. Bạn Thảo lấy được 10 thẻ có ghi số 2 và số 3.

Do đó xác suất thực nghiệm của sự kiện Thảo lấy được thẻ ghi số nguyên tố là

A. $\frac{10}{20}$

Câu .17 Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối sự kiện nào sau đây chắc chắn không thể xảy ra

A. Mặt xuất hiện số chấm là số nguyên tố

B. Mặt xuất hiện số chấm chia hết cho 9

C. Mặt xuất hiện số chấm là số chính phương

D. Mặt xuất hiện số chấm là số chia hết cho 5

Lời giải

Vì số chấm chỉ có là thể các số tự nhiên từ 1 đến 6 nên không có số nào có thể chia hết cho 9.

Câu 18. Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối 3 lần liên tiếp. Số chấm xuất hiện trên mặt ở 3 lần đó là 3 số nguyên tố liên tiếp theo thứ tự từ bé đến lớn. Vậy 3 số đó là :

A. 1; 2; 3.

B. 2; 3; 4.

C. 2; 3; 5.

D. 1; 3; 5.

Lời giải

Vì Số chấm xuất hiện trên mặt ở 3 lần đó là 3 số nguyên tố liên tiếp theo thứ tự từ bé đến lớn nên 3 số đó lần lượt là :2 ;3 ;5.

Câu 19. Bạn Phương Thảo gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối 3 lần liên tiếp và ghi lại số chấm xuất hiện sau mỗi lần gieo thì được một số có 3 chữ số. Số này chia hết cho 5, có tổng các chữ số là 10 và chữ số hàng chục nhỏ hơn chữ số hàng trăm là 3 đơn vị . Tìm số đó ?

A. 145

B. 235

C. 325

D. 415

Lời giải

Số này chia hết cho 5, có tổng các chữ số là 10 và chữ số hàng chục nhỏ hơn chữ số hàng trăm là 3 đơn vị nên chọn số 415.

Câu 20. Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối thì số chấm xuất hiện là 1 số. Số đó là số chính phương lớn hơn 1. Vậy số chấm xuất hiện là

A. 4

B. 1

C. 2

D. 6

Lời giải

Số đó là số chính phương lớn hơn 1. Vậy số chấm xuất hiện là : 4

E. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT BÀI TẬP TỰ LUẬN

Dạng 1. Thu thập, tổ chức, phân tích và xử lí dữ liệu.

Phương pháp giải

Học sinh vận dụng các kiến thức về thu thập, tổ chức, phân tích và xử lí dữ liệu để giải toán.

Bài 1. Để chuẩn bị cho đợt tham quan sắp tới của lớp, Tùng đã tìm kiếm một số địa điểm du lịch ở Hà Nội để các bạn lựa chọn và đưa ra danh Sách như sau:

- 1) Lăng Bác Hồ
- 2) Công Viên Thủ Lệ
- 3) Vườn quốc gia Cúc Phương
- 4) Công Viên Bách Thảo

5) Văn Miếu Quốc Tử Giám

6) Đảo Tuần Châu

a) Dữ liệu mà Tùng thu thập được có phải là dãy số liệu không?

b) Bạn Tùng cần thu thập dữ liệu nào?

c) Dữ liệu của bạn Tùng đưa ra có hợp lý không?

Lời giải

a) Dữ liệu Tùng thu thập được không phải là số liệu. Vì các dữ liệu đó không phải là số.

b) Bạn Tùng cần thu thập dữ liệu về các địa điểm tham quan du lịch tại Hà Nội.

c) Dữ liệu bạn Tùng đưa ra không hợp lý. Vì trong các dữ liệu đó có hai địa điểm không phải ở Hà Nội là: Vườn quốc gia Cúc Phương và Đảo Tuần Châu.

Bài 2. Kết quả kiểm tra học kì I môn Toán của lớp 6A được liệt kê như sau :

9, 8, 7, 8, 10, 7, 6, 5, 8, 7, 5, 4, 3, 7, 9, 8, 9, 10, 8, 8, 10, 8, 7, 6, 5, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 9, 8, 7, 8, 9, 7, 5, 7, 8.

a) Xác định đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê?

b) Lập bảng số liệu thống kê

c) Tính tổng số học sinh của lớp 6A? (biết rằng tất cả học sinh đều có bài kiểm tra).

d) Điểm số nào có số lượng nhiều nhất?

e) Có bao nhiêu học sinh có điểm dưới trung bình? (Điểm dưới trung bình là điểm nhỏ hơn 5).

Lời giải

a) Đối tượng thống kê là các điểm kiểm tra môn Toán của các bạn lớp 6A: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.

Tiêu chí thống kê là số học sinh tương ứng của mỗi loại điểm.

b)

Điểm	3	4	5	6	7	8	9	10
số học sinh	1	2	5	3	9	11	5	4

c) Tổng số học sinh của lớp 6A là:

$$1 + 2 + 5 + 3 + 9 + 11 + 5 + 4 = 40 \text{ (học sinh)}$$

d) Điểm 8 là điểm có số lượng nhiều nhất.

e) Số học sinh có điểm dưới trung bình là:

$$1 + 2 = 3 \text{ (học sinh)}$$

Bài 3. Bảng dưới đây cho biết chiều cao và cân nặng chuẩn của học sinh Việt Nam từ 10 tuổi đến 18 tuổi.

TRẺ NAM		TUỔI	TRẺ NỮ	
Chiều Cao (cm)	Cân Nặng (kg)		Chiều Cao (cm)	Cân Nặng (kg)
138.4	32	10	138.4	31.9
143.5	35.6	11	144	36.9
149.1	39.9	12	149.8	41.5
156.2	45.3	13	156.7	45.8
163.5	50.8	14	158.7	47.6
170.1	56.0	15	159.7	52.1
173.4	60.8	16	162.5	53.5
175.2	64.4	17	162.5	54.4
175.7	66.9	18	167	56.7



- a) Đơn vị đo chiều cao, cân nặng được sử dụng trong bảng trên là gì?
- b) Chiều cao cân nặng chuẩn cho học sinh Nam và học sinh nữ lớp 6 là bao nhiêu? Em có đạt được các mức chuẩn không?

Lời giải

- a) Trong bảng trên đơn vị đo chiều cao là: cm; đơn vị đo của cân nặng là: kg.
- b) Vì học sinh lớp 6 có độ tuổi là 11 đến 12 tuổi nên cân nặng chuẩn của học sinh nam là: 35,6 kg đến 39,9 kg; cân nặng chuẩn của học sinh nữ là: 36,9 đến 41,5 kg.
 Học sinh ghi ra cân nặng của bản thân rồi đối chiếu với bảng để đưa ra kết luận.

Bài 4.

Cập nhật mới nhất tình hình dịch bệnh COVID-19 tại Đồng Nai

Cập nhật đến 18h ngày 15/7/2021:

Tổng số ca bình phục/nhiễm: **32/779**

Tổng số ca nhiễm	779
Khỏi bệnh hoàn toàn	32
Đang điều trị	746 (1 ca ở TPHCM)
Số ca nhiễm mới	172

Số ca nghi nhiễm	0
Tử vong	2
Tổng số người cách ly tập trung	11.360
Đang cách ly	2.800
Tổng số người cách ly tại nhà và nơi cư trú	31.718
Đang cách ly	8.429
Trường hợp F1 đang cách ly	2.571
Trường hợp F2 đang cách ly	4.456
Tổng số mẫu xét nghiệm	172.391
Tổng số người được tiêm vắc xin	54.402

- Nhìn vào bảng thống kê trên em hãy cho biết tại thời điểm thống kê tỉnh Đồng Nai có bao nhiêu ca mắc Covid? có bao nhiêu người đi cách ly tập chung? Đã xét nghiệm được bao nhiêu mẫu?
- Tính đến 18 h ngày 15/7/2021 thì tỉnh Đồng Nai đã có bao nhiêu người được tiêm vắc xin?
- Hãy cho biết số ca mắc mới trong ngày 15/7/2021(Tính đến thời điểm thống kê) của tỉnh Đồng Nai?
- Bản thân em phải làm gì để phòng chống dịch Covid?

Lời giải

a) Quan sát bảng thống kê trên, em thấy tại thời điểm thống kê là 18h ngày 15/7/2021 tỉnh Đồng Nai có 779 ca mắc Covid 19; có 11 360 người đi cách ly tập trung; Tổng số mẫu xét nghiệm là 172 391 mẫu.

b) Tính đến 18h ngày 15/7/2021 tỉnh Đồng Nai đã có 54 402 người được tiêm vắc xin.

c) Số ca mắc mới trong ngày là 172 ca.

d) Để phòng chống dịch Covid thì bản thân em phải thực hiện đúng quy định về phòng chống dịch của địa phương và thực hiện tốt quy định 5K của bộ y tế đề ra là: Khẩu trang- khử khuẩn- khoảng cách- không tập trung-khai báo y tế.

Bài 5. Bạn Trường liệt kê cân nặng của các bạn trong tổ (theo đơn vị kg) được kết quả như sau:

35; 36; 40; 36,5; 39; 38; 45; 41,5; 38; 400; 38; 34; 34

a) Hãy nêu đối tượng thống kê? Tiêu chí thống kê?

b) Dãy số liệu bạn Trường liệt kê có hợp lý không? Vì sao?

c) Căn cứ vào dãy số liệu trên, cho biết số cân trung bình của 5 bạn có cân nặng thấp nhất tổ?

Lời giải

a) Đối tượng thống kê là số cân nặng của các bạn trong tổ: 34; 35; 36; 36,5; 38; 39; 40; 41,5; 45; 400.

Tiêu chí thống kê số học sinh với mức cân nặng tương ứng.

b) Dãy số liệu của bạn Trường liệt kê không hợp lý vì có số liệu 400 kg là quá lớn so với thực tế.

c) Căn cứ vào dãy số liệu trên thì 5 bạn có cân nặng thấp nhất tổ là:

2 bạn 34 kg; 1 bạn 35 kg; 1 bạn 36 kg; 1 bạn 36,5 kg.

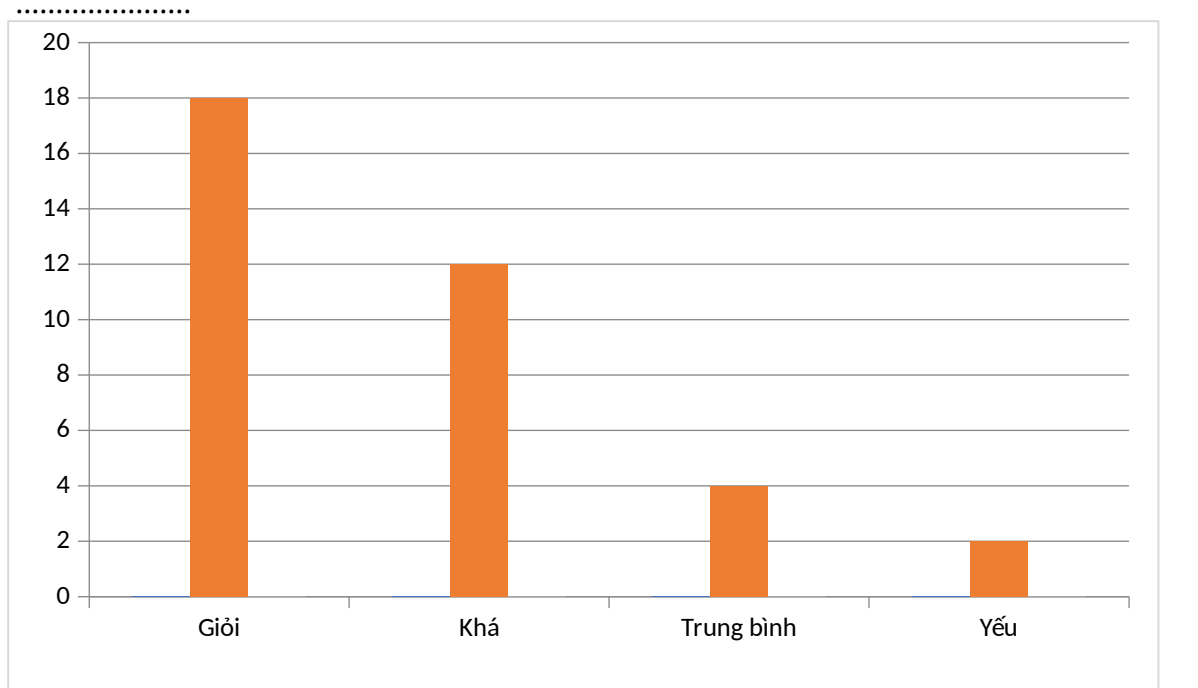
Cân nặng trung bình của 5 bạn thấp nhất tổ là:

$$(2 \cdot 34 + 35 + 36 + 36,5) : 5 = 35,1 \text{ (kg)}$$

Dạng 2. BIỂU ĐỒ

Phương pháp giải: Học sinh áp dụng kiến thức về cách biểu diễn dữ liệu bằng biểu đồ để đọc và phân tích các dữ liệu của biểu đồ.

Bài 1. Biểu đồ sau cho biết số lượng học sinh từng loại học lực khi tổng kết năm học 2020-2021 của lớp 6A



- Xác định đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê?
- Lập bảng số liệu từ biểu đồ trên?
- Tính tổng số học sinh khá và giỏi?
- Lớp 6 A có tất cả bao nhiêu học sinh?

Lời giải

a) Đối tượng thống kê là các loại học lực của học sinh lớp 6A khi tổng kết năm học 2020-2021:

Giỏi; Khá; Trung bình; Yếu.

Tiêu chí thống kê là số lượng học sinh tương ứng với từng loại học lực.

b) Lập bảng số liệu

Học Lực	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
Số học sinh	18	12	4	2

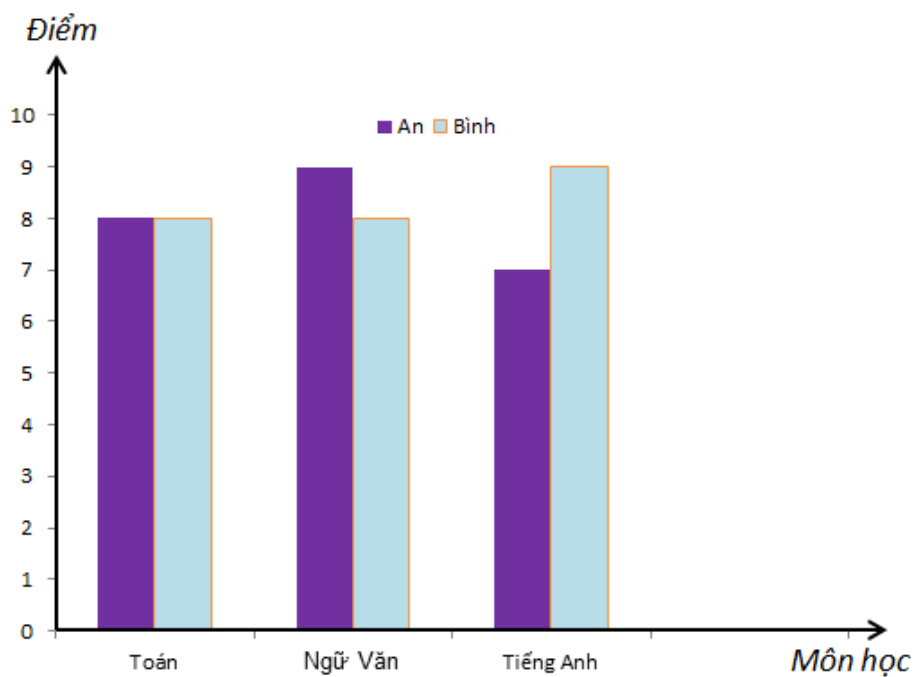
c) Tổng số học sinh khá và giỏi là:

$$18 + 12 = 30 \text{ (học sinh)}$$

d) Lớp 6A có tất cả số học sinh là:

$$18 + 12 + 4 + 2 = 36 \text{ (học sinh)}$$

Bài 2. Kết quả thi một số môn học của An và Bình được biểu diễn trong biểu đồ cột kép như hình dưới:



a) Hoàn thành số liệu trong bảng sau:

Tên học sinh	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh
An			
Bình			

b) Bạn có điểm Tiếng Anh cao hơn là bạn .

c) Hai bạn có số điểm bằng nhau ở môn

Lời giải

a)

Tên học sinh	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh
An	8	9	7

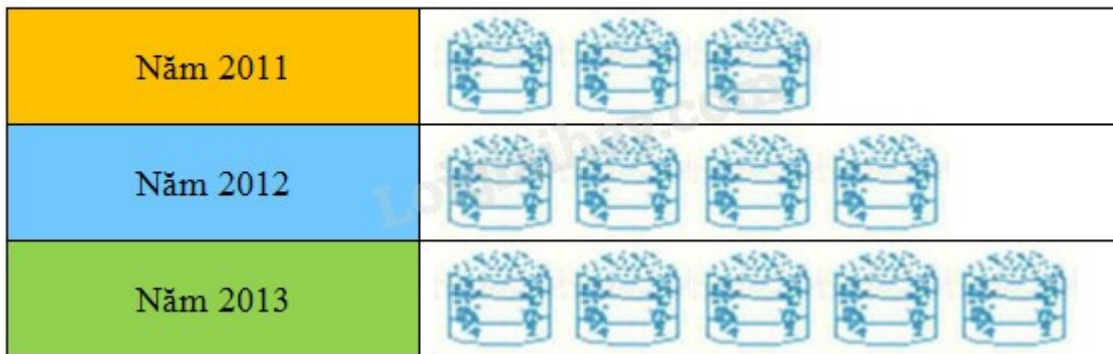
Bình	8	8	9
------	---	---	---

b) Bạn có điểm Tiếng Anh cao hơn là bạn Bình.

c) Hai bạn có điểm số bằng nhau ở môn Toán.

Bài 3. Nhìn biểu đồ dưới đây và trả lời câu hỏi :

SỐ THÓC THU HOẠCH TRONG 3 NĂM CỦA NHÀ BÁC HOÀNG



Mỗi  = 10 tạ thóc.

a) Lập bảng số liệu từ biểu đồ trên?

b) Năm nào nhà bác Hoàng thu hoạch được nhiều thóc nhất ?

c) Tính số thóc thu hoạch trong cả ba năm của nhà bác Hoàng.

Lời giải

a) Quan sát biểu đồ, em thấy năm 2011 bác Hoàng thu hoạch được 3 thùng thóc, năm 2012 thu hoạch được 4 thùng thóc, năm 2013 thu hoạch được 5 thùng thóc.

Lập bảng số liệu

Năm	2011	2012	2013
Khối lượng thóc(tạ)	30	40	50

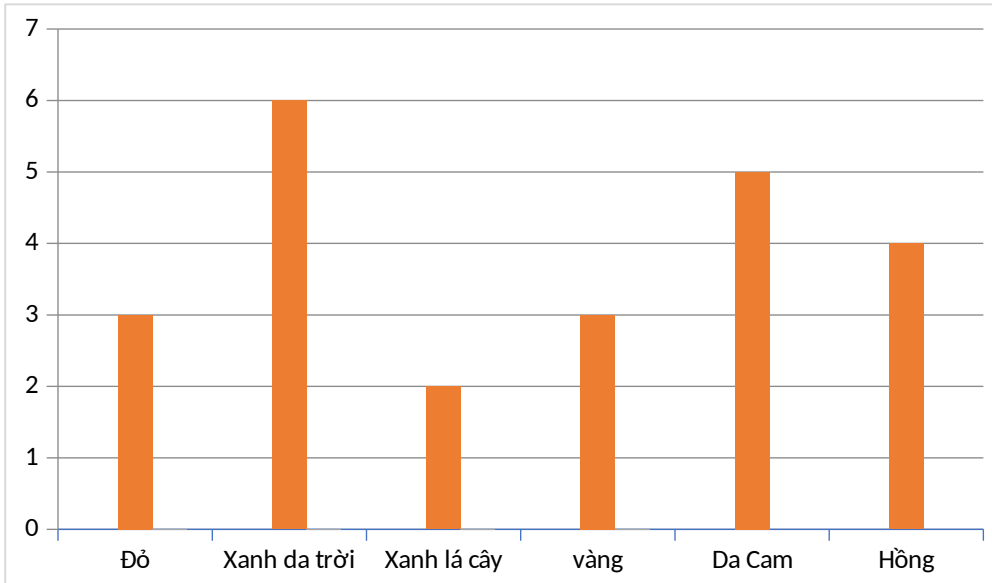
b) Năm 2013 nhà bác Hoàng thu hoạch được nhiều thóc nhất là: 50 tạ.

c) Khối lượng thóc thu hoạch được trong cả 3 năm của nhà Bác Hoàng là:

$$30 + 40 + 50 = 120$$

(tạ).

Bài 4.



Biểu đồ trên cho biết màu sắc yêu thích nhất của 23 học sinh.

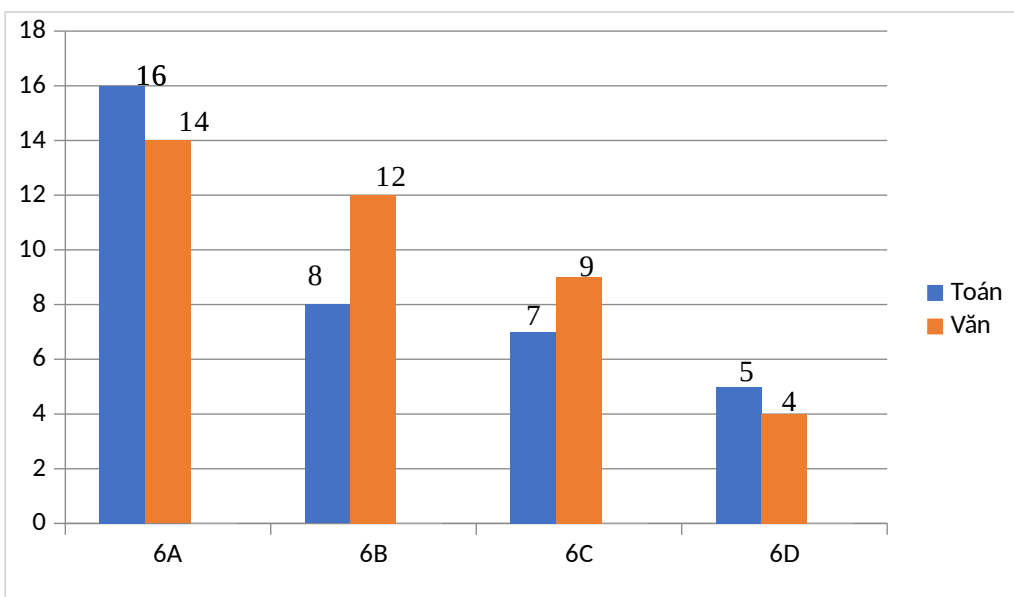
- Những màu nào được yêu thích nhiều hơn màu đỏ?
- Màu nào được nhiều bạn yêu thích nhất?
- Lập bảng thống kê số lượng học sinh yêu thích của mỗi màu?

Lời giải

- Những màu được yêu thích nhiều hơn màu đỏ là màu: xanh da trời, da cam, hồng.
- Màu được yêu thích nhiều nhất là màu xanh da trời.
- Bảng thống kê màu sắc yêu thích

Màu sắc	Đỏ	Xanh da trời	Xanh lá cây	Vàng	Da cam	Hồng
Số lượng	3	6	2	3	5	4

Bài 5. Biểu đồ dưới đây biểu diễn số học sinh giỏi hai môn Toán và Văn của các lớp: 6A, 6B, 6C, 6D.



- a) Tính tổng số học sinh giỏi môn Toán của cả 4 lớp?
 b) Số học sinh giỏi môn Văn của lớp 6A là bao nhiêu học sinh?
 c) Tính tổng số học sinh giỏi môn Văn của cả 4 lớp?

Lời giải

a) Tổng số học sinh giỏi của cả 4 lớp 6A, 6B, 6C, 6D là:

$$16 + 8 + 7 + 5 = 36 \text{ (học sinh)}$$

b) Số học sinh giỏi môn Văn của lớp 6A là: 14 học sinh.

c) Tổng số học sinh giỏi môn Văn của cả 4 lớp là:

$$14 + 12 + 9 = 39 \text{ (học sinh)}$$

Dạng 3. MÔ HÌNH XÁC XUẤT TRONG MỘT SỐ TRÒ CHƠI VÀ THÍ NGHIỆM ĐƠN GIẢN

Phương pháp giải: Liệt kê các kết quả có thể xảy ra trong các trò chơi, thí nghiệm đơn giản. Dựa vào trải nghiệm thực hành để đưa ra các dự đoán về các khả năng có thể xảy ra hay không xảy ra của một kết quả trong trò chơi hay thí nghiệm.

Bài 1. Hai bạn Thái và An mỗi người tung một đồng xu. Hãy liệt kê tất cả các kết quả có thể xảy ra?

Lời giải

Có nhiều phương pháp khác nhau để liệt kê tất cả các kết quả có thể xảy ra:

Cách 1: Liệt kê trực tiếp

Có 4 kết quả có thể xảy ra là:

- Thái tung được mặt sấp, An tung được mặt ngửa.
- Thái tung được mặt ngửa, An tung được mặt sấp.
- Cả hai bạn tung được mặt sấp.
- Cả hai bạn tung được mặt ngửa.

Cách 2: Phương pháp dùng bảng

Kết quả	1	2	3	4
Đồng xu của Thái	Sấp	Sấp	Ngửa	Ngửa
Đồng xu của An	Sấp	Ngửa	Sấp	Ngửa

Cách 3: Phương pháp dùng kí hiệu

Kí hiệu S là mặt sấp, N là mặt ngửa. Lần lượt viết kết quả khi tung đồng xu của Thái và An, ta được kết quả có thể xảy ra là: SS, NN, SN, NS,

Ta cũng có thể viết tập hợp tất cả các trường hợp xảy ra là:

{ SS, SN, NS, NN }

Bài 2. Hộp bút của Thảo có ba đồ dùng học tập gồm 1 bút máy, 1 bút chì, 1 bút bi, Thảo lấy ra một dụng cụ học tập từ hộp bút (lấy ngẫu nhiên). Hãy đánh giá xem các sự kiện sau là chắc chắn, không thể hay có thể xảy ra.

- a) Thảo lấy được một cái bút
- b) Thảo lấy ra được một cái thước kẻ
- c) Thảo lấy ra được một cái bút bi

Lời giải

a) Sự kiện Thảo lấy được một cái bút là chắc chắn xảy ra. Vì mọi dụng cụ học tập trong hộp của Thảo đều là bút.

b) Sự kiện Thảo lấy ra một cái thước là không thể xảy ra. Vì trong hộp không có thước kẻ.

c) Sự kiện Thảo lấy ra được cái bút bi có thể xảy ra.

Bài 3. Một hộp bi có 2 viên bi vàng, 3 viên bi xanh và 1 viên bi đỏ (có cùng kích thước).

Không nhìn vào hộp, An lấy một viên bi từ hộp.

- a) Liệu An có chắc chắn viên bi lấy ra có màu gì không?
- b) Hãy đưa ra những kết quả có thể xảy ra đối với màu của viên bi được lấy ra?
- c) Hãy đưa ra hai sự kiện liên quan đến viên bi mà An vừa lấy ra.

Lời giải

a) Không chắc chắn viên bi lấy ra có màu gì.

b) Những kết quả có thể xảy ra đối với màu của viên bi được lấy ra là: vàng, xanh, đỏ.

c) Hai sự kiện liên quan đến viên bi mà An lấy ra là: Viên bi lấy ra không có màu đỏ; viên bi lấy ra có màu đỏ hoặc vàng. (chú ý: phần này có nhiều đáp án khác nữa, tùy vào lựa chọn của học sinh)

Bài 4. Gieo một con xúc xắc. Số chấm xuất hiện trên con xúc xắc là bao nhiêu để mỗi sự kiện sau xảy ra:

- a) Số chấm xuất hiện là một số nguyên tố.
- b) Số chấm xuất hiện không phải 3 cũng không phải 5.

Lời giải

a) Số chấm xuất hiện trên con xúc xắc là: 2; 3; 5.

b) Số chấm xuất hiện trên con xúc xắc là: 1; 2; 4; 6.

Bài 5. Cho 4 điểm A, B, C, D, trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng, lấy 2 điểm từ 4 điểm đã cho để vẽ một đoạn thẳng. Hãy liệt kê tất cả các đoạn thẳng có thể vẽ được. Có tất cả bao nhiêu đoạn thẳng?

Lời giải

Tất cả các đoạn thẳng có thể vẽ được là:

AB, AC, AD, BC, BD, CD.

Có tất cả 6 đoạn thẳng .

Dạng 4. XÁC XUẤT THỰC NGHIỆM

Phương pháp giải: Áp dụng công thức tính xác suất thực nghiệm để tính xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản.

Bài 1. Một xạ thủ bắn 200 viên đạn vào một mục tiêu và thấy có 150 viên trúng mục tiêu. Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “ Xạ thủ bắn trúng mục tiêu”.

Lời giải

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “ Xạ thủ bắn trúng mục tiêu” là:

$$\frac{150}{200} = \frac{3}{4}$$

Bài 2. Bình chơi Sudoku 50 lần thì có 35 lần thắng cuộc. Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “ Bình thắng khi chơi Sudoku”?

Lời giải

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “ Bình thắng khi chơi Sudoku” là:

$$\frac{35}{50} = \frac{7}{10}$$

Bài 3. Trong ngày lễ hội tại địa phương , Thảo có chơi trò chơi ném phi tiêu vào một tấm bia có ghi các số 2; 3; 4. Linh ném 20 lần và có ghi lại kết quả như sau :

2; 4 ;4; 4; 3; 2; 2; 2; 4; 3; 2; 2; 4; 2; 3; 2; 2; 2; 3; 3.

Tính xác suất thực nghiệm của kết quả phi tiêu trúng số 3?

Lời giải

Số lần phi tiêu trúng số 3 là: 5 lần.

Xác suất thực nghiệm của kết quả phi tiêu trúng số 3 là: $\frac{5}{20}$

Bài 4. Linh tung đồng xu 15 lần liên tiếp được kết quả ghi lại như sau : S; N; N; S;N;S;S;N;S;N;N;N;S;S;N

a) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S?

b) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N?

Lời giải

a) Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S là: $\frac{7}{15}$

b) Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N là:

$$\frac{8}{15}$$

Bài 5. Nếu gieo một con xúc xắc 11 lần liên tiếp thì, có 7 lần xuất hiện mặt 1 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm là bao nhiêu?

Lời giải

Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm là:

$$\frac{7}{11}$$

----- HẾT -----